

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HS-ST
Ngày 24-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Biên Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Văn Hợp

Bà Nông Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Yên, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 279/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Hùng Quốc H (Xiong Guo H) sinh ngày 30 tháng 5 năm 1984 tại huyện S, tỉnh Q, Trung Quốc

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ Tr, thôn U, thị trấn G, huyện S, châu K, tỉnh Q, Trung Quốc. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Trung Quốc; con ông: Hùng Kim H1 (Xiong Jin Y), đã chết và con bà Đào Ứng P (Tao Yin F), đã chết; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Cao Bằng từ ngày 23/02/2019 đến nay; có mặt.

2. Dương Văn T, sinh ngày 12 tháng 02 năm 1988 tại xã L, huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Nơi thường trú và chỗ ở: Xóm L1, xã L, huyện N, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 6/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn P, đã chết và bà

Lý Thị S, đã chết; có vợ là Sùng Thị Ch, (sinh năm 1990) và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/3/2019 đến nay; có mặt.

Người bào chữa:

- Bà Nông Thị Thu Trang - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng bào chữa cho bị cáo Dương Văn T theo Quyết định cử Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Sùng Thị Ch, sinh năm 1990

Trú tại: Xóm L1, xã L, huyện N, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

Người làm chứng:

- Dương Thị M, sinh năm 1985

- Lý Văn D, sinh năm 1992

- Dương Văn H3, sinh năm 1990

Cùng trú tại: Xóm L1, xã L, huyện N, tỉnh Cao Bằng; đều có mặt.

Người phiên dịch:

- Người phiên dịch tiếng Trung Quốc, có ông Hoàng Hồng Biên - Cán bộ công tác tại Sở ngoại vụ tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Người phiên dịch tiếng Mông, có ông Dương Văn Dí, cán bộ công tác tại Đài phát thanh truyền hình tỉnh Cao Bằng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 02 năm 2019, Hùng Quốc H (Xiong Guo H), sinh năm 1984, trú tại: Tổ Tr, thị trấn G, huyện S, tỉnh Q, Trung Quốc đến nhà ông Tr, trú tại khu tự trị các dân tộc huyện L3, tỉnh Q1, Trung Quốc (có vợ là Lầu Thị X, sinh năm 1990, trước đây trú tại xóm V, xã L, huyện N, Cao Bằng) hỏi đường đi sang Việt Nam để tìm một người phụ nữ Việt Nam đưa về làm vợ. Trước đó, vào tháng 02/2018, H đã đi cùng Tr đến thăm gia đình Lầu Thị X ở Việt Nam. Sau khi biết H muốn sang Việt Nam lấy vợ, Tr đưa H đến chơi nhà Đào Á C (Tao Ya C) sinh năm 1977, ở cùng xóm với Tr, cũng đang sống độc thân và H rủ C đi

sang Việt Nam cùng nhau tìm cho mình một người phụ nữ để đưa sang Trung Quốc lấy làm vợ. Sau đó, Tr đã bảo Lầu Thị X thông báo Lầu Văn C1 (anh ruột của X), sinh năm 1987, trú tại xóm V, xã L, huyện N, Cao Bằng biết.

Sau khi được cấp thị thực, ngày 16/02/2019, H và C đã làm thủ tục nhập cảnh tại cửa khẩu S1, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Theo hẹn, Lầu Văn C1 và Lầu Thị S1, sinh năm 1999, trú tại xóm V, xã L, huyện N, tỉnh Cao Bằng đến S1, huyện H đón H và C. Trong thời gian chơi ở nhà C1, H đã nhờ C1 tìm xem ai chưa lấy chồng thì giới thiệu cho H và C để lấy làm vợ. Sáng ngày 19/02/2019, qua các mối quan hệ, biết gia đình anh Dương Văn T, sinh năm 1988, trú tại xóm L1, xã L, huyện N, tỉnh Cao Bằng có chị gái là Dương Thị M, sinh năm 1985 hiện chưa lấy chồng. Khoảng 21 giờ ngày 20/02/2019, Hoàng Thị S4 (chị gái vợ C1) cùng C1, S1, H, C đến nhà T. Sau khi Dương Thị M đồng ý lấy Hùng Quốc H và được sự nhất trí của gia đình, sáng ngày 21/02/2019, Hùng Quốc H quay về Trung Quốc rút tiền và đưa cho gia đình T 6.600 NDT (sáu nghìn sáu trăm nhân dân tệ) để tổ chức đám cưới. Vợ chồng T cùng Dương Văn H (em trai Dương Văn T) đi đổi số tiền 6.200 NDT (sáu nghìn sáu trăm nhân dân tệ) ở thị trấn N – tỉnh Cao Bằng được số tiền 20.890.000đ (hai mươi triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng), còn 400 NDT (bốn trăm) đã gửi lại cho Hùng Quốc H. Gia đình T đã sử dụng 18.940.000đ (mười tám triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng) cho việc tổ chức đám cưới cho M. Đến khoảng 03 giờ sáng ngày 23/02/2019, H bảo với Dương Văn T đưa M qua lối mòn sang Trung Quốc. Sau khi bàn bạc thống nhất, T đi xe máy chở H và lấy xe máy của Dương Văn H chở Lý Văn D, sinh năm 1991 ở cùng xóm chở M. Còn Đào Á C vẫn ở lại nhà Dương Văn T tiếp tục tìm người phụ nữ lấy làm vợ, nếu không có sẽ về sau. Khi T cùng D, H và M đang trên đường đi đến khu vực xóm G1, xã Y, tỉnh Cao Bằng thì bị lực lượng chức năng phát hiện và bắt giữ.

Trong quá trình điều tra đã tạm giữ: 1.950.000đ do bà Sùng Thị Ch (vợ Dương Văn T) giao nộp.

*Tạm giữ của Dương Văn T:

01 xe mô tô Wave RSX, BKS: 11H1-205.xx

01 giấy đăng ký xe mô tô BKS: 11H1-205.xx; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm, 01 giấy CMND, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Dương Văn H

01 xe mô tô Wave RSX màu trắng, BKS:11H1-082.xx đã qua sử dụng.

01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 11H1-082.xx, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Dương Văn T

01 điện thoại di động nhãn hiệu WiKo.

* Tạm giữ của Hùng Quốc H (Xiong Guo H):

01 điện thoại di động nhãn hiệu Honor

01 hộ chiếu FC 64292xx; 01 Visa số V03709xx đều mang tên Xiong Guo H, 02 chứng minh nhân dân Trung Quốc.

Tiền Trung Quốc: 1.257 nhân dân tệ; tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 4.000 đồng.

03 (ba) thẻ ngân hàng Trung Quốc, 01 thẻ có số 6222022409003374xxx; 01 thẻ có số 6217790001091357xxx; 01 thẻ có số 6217003170012896xxx.

Trong quá trình điều tra, xác định một số đồ vật không liên quan đến vụ án, ngày 05/3/2019, cơ quan An ninh điều tra công an tỉnh Cao Bằng đã trả cho Đào Á C toàn bộ số tài sản và giấy tờ tạm giữ của C. Ngày 14/5/2019 đã trả lại cho bà Lầu Thị H4 (vợ Dương Văn H): 01 xe mô tô Wave RSX, BKS: 11H1-205.xx; 01 đăng ký xe mô tô BKS: 11H1-205.xx; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm, 01 giấy CMND, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Dương Văn H.

Số vật chứng còn lại Cơ quan An ninh điều tra đã chuyển đến Cơ quan Cục thi hành án tỉnh Cao Bằng.

Tại bản Cáo trạng số: 24/CT-VKSCB-P1 ngày 06/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Hùng Quốc H (Xiong Guo H), Dương Văn T về tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 349 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Hùng Quốc H (Xiong Guo H) khai: Tôi quen Đào Á C tại nhà của người em họ. Ngày mừng 6 tết, tôi rủ Đào Á C về nhà vợ của Tr ở Việt Nam chơi và tìm vợ. Trong thời gian ở Việt Nam, có một người tên là C2 (C1) giới thiệu cho tôi một cô gái tên là M2 (M) làm vợ. Gia đình M muốn có chút tiền làm mấy mâm cơm mời người thân, tôi đồng ý đưa cho họ 6.600 nhân dân tệ. Do tôi không mang theo tiền mặt nên đã nhờ người nhà của M đưa đến cửa khẩu B để rút tiền, sau đó đưa tiền cho người nhà của M. Hôm đó, tôi ăn cơm ở nhà M, đến 4 giờ sáng hôm sau, người nhà của M đưa tôi và M đến cửa khẩu B để sang Trung Quốc. Trước khi về, tôi với Đào Á C có nói là tôi sẽ về Trung Quốc trước, C ở lại tìm xem có cô gái nào thích hợp để làm vợ không, nếu không tìm được sẽ sang sau. Tôi biết việc sang Việt Nam tìm vợ, chưa làm thủ tục theo quy định đã đưa người về Trung Quốc là vi phạm pháp luật. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Dương Văn T khai: Vào sáng ngày 19/02/2019, tôi và vợ là Sùng Thị Ch đang ở nhà thì có bà S1 và người cùng xóm với tôi đến nhà chơi và có nói chuyện về việc tìm vợ cho hai người đàn ông Trung Quốc. Lúc này, gia đình tôi

có chị Dương Thị M, sinh năm 1985 (là chị ruột của tôi) chưa có chồng nên bà S1 đã hỏi hai vợ chồng tôi có đồng ý cho hai người đàn ông Trung Quốc đến nhà nói chuyện và xem mặt không. Hai vợ chồng tôi đồng ý vì chị M đã lớn tuổi nhưng vẫn chưa lập gia đình. Khoảng 20 giờ cùng ngày, có hai thanh niên người dân tộc Mông tên là C1 và S5, nhà ở xóm V, xã L, huyện N đưa hai người đàn ông Trung Quốc vào nhà tôi nói chuyện về việc hỏi cưới chị gái tôi. Qua nói chuyện, tôi biết hai người đàn ông Trung Quốc cũng là dân tộc Mông nên chúng tôi trao đổi với nhau bằng tiếng dân tộc Mông. Tôi gọi anh trai là Dương Văn T1 và hai vợ chồng em trai của tôi là Dương Văn H3 đến nói chuyện, chị M đồng ý lấy một trong hai người đàn ông, sau này tôi mới biết người này tên là H, địa chỉ cụ thể ở đâu thì tôi không rõ. Gia đình tôi đã yêu cầu anh H đưa cho chúng tôi số tiền 6.600 nhân dân tệ để làm cơm mời anh em họ hàng đến dự lễ cưới. Anh H đồng ý nhưng do không mang theo tiền nên nói với chúng tôi ngày mai sẽ đi đến cửa khẩu S1 – huyện H để rút tiền. Tối hôm đó cả H và C đều ngủ lại nhà tôi. Đến khoảng 14 -15 giờ ngày 21/02/2019, anh H nhờ H3 đèo đến cửa khẩu S1 để rút tiền. Còn C nhờ anh T chở đến xóm V để chơi ở nhà người quen. Sau khi nhận được tiền của anh H, tôi đem đến thị trấn N đổi được 20.890.000đ và đưa cho vợ tôi để mua đồ ăn chuẩn bị cho lễ cưới. Tối ngày 22/02/2019, gia đình tôi làm 4 mâm cơm mời anh em họ hàng, anh H và anh C cũng tham dự bữa cơm cùng gia đình. Sau khi ăn cơm xong, anh H nhờ tôi dùng xe máy đưa anh H và chị M đến khu vực cửa khẩu S1- huyện H để đưa chị M về Trung Quốc theo đường mòn mà không làm các thủ tục xuất nhập cảnh theo quy định. Sau đó anh H mới quay lại làm thủ tục xuất nhập cảnh của anh H. Tôi đồng ý và có nói lại với em họ tôi là Lý Văn D cùng đưa anh H và chị M đi đến biên giới để sang Trung Quốc nhưng không nói cho D biết có làm thủ tục xuất nhập cảnh hay không. Khoảng 03 giờ sáng ngày 23/02/2019, anh H xin phép gia đình chúng tôi để đưa chị M sang Trung Quốc và hứa hẹn khoảng 05 tháng sau đưa chị M về thăm gia đình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sùng Thị Ch khai: Tôi đồng ý với lời khai của chồng tôi là Dương Văn T về diễn biến sự việc. Ngày 18/4/2019, tôi được viết một lá đơn đề nghị Cơ quan điều tra xem xét trả chiếc xe máy nhãn hiệu Wave RSX màu trắng, có biển kiểm soát 11H1-082.xx và chiếc điện thoại mà chồng tôi đã sử dụng ngày 23/02/2019 khi đưa chị M và anh rể tôi đi về hướng cửa khẩu S1, huyện H, tỉnh Cao Bằng đã bị cơ quan điều tra thu giữ vì đó là tài sản chung của vợ chồng tôi.

Người làm chứng Dương Thị M khai: Chiều tối ngày 20/02/2019 có hai người đàn ông xuống nhà anh T, có hai người khác ở xóm V đi theo là Lầu Văn C1 và Lầu Văn S1. Lúc đó trong nhà tính cả 4 người nói trên thì có 11 người gồm có tôi, vợ chồng anh T, vợ chồng anh Dương Văn T1 và vợ chồng anh Lý Văn D. Mọi người bàn bạc với nhau về chuyện gả tôi cho 02 người đàn ông Trung Quốc.

Sau một thời gian nói chuyện, trao đổi và được các em trong gia đình thuyết phục thì tôi đồng ý chọn lấy anh H. Tiếp đó 3 anh em đưa ra tiền thách cưới là 5 vạn nhân dân tệ. Ngày 21/02/2019, T đưa anh H đi lên biên giới để lấy tiền, sau đó đến nhà hai vợ chồng T cầm theo số tiền đã lấy với anh H và đưa tôi đi làm tóc ở thị trấn N, lấy tiền Trung Quốc vào đổi ở ngân hàng sau đó về nhà. Ngày 22/02/2019 theo chương trình đã lên sẵn thì 3 anh em (T, T1, H3) quyết định tổ chức đám cưới cho tôi vào ngày 23/02/2019. Còn tối 22/02/2019, gia đình tổ chức một bữa cơm để tiễn tôi đi lấy chồng. 4 giờ sáng ngày 23/02/2019, anh T nhờ anh Lý Văn D cùng xóm giúp chở tôi và anh T chở anh H lên biên giới đến ngã ba đồn biên phòng xã Y thì bị lực lượng chức năng kiểm tra và bắt giữ.

Người làm chứng Lý Văn D khai: Lời khai của anh Dương Văn T và chị Dương Thị M hoàn toàn đúng sự thật. Khoảng 2 giờ sáng ngày 23/02/2019, anh T sang nhà gọi tôi ăn sáng và nhờ chở Dương Thị M lên biên giới để sang Trung Quốc, qua đường mòn nào thì tôi không rõ. Phương tiện tôi dùng để chở M đi là xe máy của anh T, còn anh T chở Xiong Guo H. Chúng tôi đến ngã ba C3, xã Y thì bị lực lượng chức năng bắt giữ.

Người làm chứng Dương Văn H khai: Sự việc đúng như lời khai của anh T và chị M đã khai tại phiên tòa. Chiếc xe máy anh T chở anh H là xe của tôi, do tôi đứng ra đăng ký. Tôi không nhớ biển kiểm soát vì mới mua được một tháng với giá 20.500.000đ. Tôi không thấy chị gái tôi cùng người đàn ông Trung Quốc làm các thủ tục gì để xuất cảnh và cũng không báo cáo lại với chính quyền địa phương. Tôi chỉ thấy người đàn ông Trung Quốc này cho gia đình chúng tôi xem giấy chứng minh, một quyển sổ bé nói là giấy thông hành qua cửa khẩu đúng theo quy định và nói với gia đình tôi là cứ đưa người đến khu vực cửa khẩu S1, huyện H sẽ đưa được chị gái tôi sang Trung Quốc.

Kết thúc việc hỏi tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội: Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Hùng Quốc H, Dương Văn T về tội: "Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép". Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 57 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H. Xử phạt: Bị cáo Hùng Quốc H từ 06 đến 09 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 57; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T, xử phạt bị cáo Dương Văn T từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự xử lý vật chứng của vụ án: Tịch thu đối với bị cáo T để hóa giá sung công quỹ Nhà

nước ½ giá trị phương tiện là chiếc xe máy bị cáo Dương Văn T sử dụng thực hiện hành vi phạm tội; Tịch thu số tiền 1.950.000đ do bị cáo tự nguyện nộp cơ quan công an, đây là số tiền liên quan đến hành vi phạm tội; Trả lại cho các bị cáo điện thoại, tiền, giấy tờ tùy thân như chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe không liên quan đến hành vi phạm tội.

Người bào chữa Nông Thị Thu Trang bào chữa cho bị cáo Dương Văn T: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về việc truy tố bị cáo Dương Văn T về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép”. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề sau đây: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người dân tộc Mông, sống ở vùng sâu vùng xa, phạm tội phần lớn do nhận thức, hiểu biết về pháp luật còn hạn chế, suy nghĩ đơn giản với mong muốn chi gái lập gia đình, sớm ổn định cuộc sống, không có mục đích tư lợi cá nhân. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành tốt chính sách, pháp luật của nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, chưa có bất cứ vi phạm gì. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử bị cáo mức án 06 tháng tù và cho bị cáo được hưởng án treo. Về chiếc xe máy: Đây là chiếc xe máy của gia đình mua sắm bằng nguồn tiền từ lao động sản xuất, là phương tiện duy nhất của gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại toàn bộ cho gia đình bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Dương Văn T nhất trí với ý kiến của người bào chữa, không có ý kiến gì bổ sung.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Hùng Quốc H tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của Dương Văn T về thời gian, địa điểm, cách thức để đưa Dương Thị M đến khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc để H đưa M đi qua lối mòn trốn sang Trung Quốc; phù hợp với kết quả điều tra và các lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người làm chứng Dương Thị M, Lý Văn D, Dương Văn H3 về động cơ, mục đích, thời gian, địa điểm cũng như cách thức đưa người trốn sang Trung Quốc. Xét thấy hành vi của các bị cáo tổ chức đưa chị Dương Thị M sang Trung Quốc không đăng ký kết hôn, không làm các thủ tục xuất nhập cảnh theo quy định của pháp luật với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Hành vi đó đã có đủ yếu tố cấu thành tội: “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đưa người sang Trung Quốc mà không được phép của các cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm trực tiếp trật tự quản lý hành chính trong xuất nhập cảnh, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong việc giữ gìn an ninh chính trị khu vực biên giới và gây mất trật tự trị an địa phương. Hơn nữa, việc xuất nhập cảnh, ở lại nước ngoài trái phép không có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng, không được bảo vệ quyền lợi sẽ tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm khác như buôn bán người, ma túy, các hàng cấm khác, cưỡng đoạt, cưỡng bức lao động và nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp. Do vậy việc đưa các bị cáo ra truy tố trước pháp luật là cần thiết nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét vai trò, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Hùng Quốc H là người chủ mưu trong vụ án; xuất phát từ việc Hùng Quốc H muốn sang Việt Nam tìm một người phụ nữ để đưa sang Trung Quốc làm vợ. Để thực hiện mục đích của mình bị cáo H đã làm thủ tục xuất nhập cảnh để vào Việt Nam, bị cáo tuy có đầy đủ, thủ tục, giấy tờ xuất nhập cảnh theo đúng quy định nhưng việc đưa M sang Trung Quốc, H không làm thủ tục xuất nhập cảnh cho M mặc dù biết là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn đưa M sang Trung

Quốc lấy làm vợ nên vẫn cố ý thực hiện. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được như: Chứng minh thư, Hộ chiếu, các bản tự khai của Hùng Quốc H và kết quả điều tra có đủ căn cứ kết luận Hùng Quốc H là công dân của nước Cộng H nhân dân Trung Hoa có nhân thân lai lịch rõ ràng. Hành vi của Hùng Quốc H vi phạm pháp luật Việt Nam, do vậy phải chịu trách nhiệm hình sự theo pháp luật Việt Nam và cần phải xử lý nghiêm minh. Tuy nhiên tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, đúng sự việc xảy ra, phù hợp với lời khai của các đối tượng nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Về tình tiết tăng nặng: Không có. Xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Dương Văn T với vai trò là người giúp sức cho Hùng Quốc H, T biết rõ việc tổ chức đám cưới cho chị Dương Thị M lấy chồng người Trung Quốc mà không thông báo cho chính quyền địa phương và không làm thủ tục kết hôn, đồng thời khi biết H không làm thủ tục xuất, nhập cảnh cho chị M mà đi qua lối mòn là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn chị gái lấy được chồng nên vẫn cố ý thực hiện. Tuy nhiên tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là lao động chính trong gia đình, có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, gia đình thuộc diện hộ nghèo; là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa, nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Do vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Về tình tiết tăng nặng: Không có. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, trong quá trình sinh sống tại địa phương luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo T, đề nghị xử các bị cáo với mức án từ 06 - 09 tháng tù và cho bị cáo T cho hưởng án treo là không có căn cứ chấp nhận vì theo Điều 349 Bộ luật hình sự thì khung hình phạt thấp nhất tại khoản 1 khởi điểm là từ 01 năm tù.

[4] Về các vấn đề khác:

Đối với Đào Á C có sự bàn bạc với Hùng Quốc H sang Việt Nam tìm phụ nữ về làm vợ. Tuy nhiên C chưa tìm được ai để đưa sang Trung Quốc và không bàn bạc thống nhất với H để đưa M trốn sang Trung Quốc hoặc ở lại Trung Quốc trái phép. Do vậy, cơ quan An ninh điều tra không khởi tố đối với Đào Á C.

Đối với Lý Văn D, Dương Văn T1, Dương Văn H3 và Sùng Thị Ch, Lầu Văn C1, Hoàng Thị Z, Lầu Văn S1 đều không biết Hùng Quốc H lấy Dương Thị

M làm vợ không làm thủ tục kết hôn theo quy định của pháp luật đã đưa Dương Thị M đi sang Trung Quốc, nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý.

Đối với Lầu Thị X, Cơ quan an ninh điều tra tiến hành xác minh, nhưng Lầu Thị X không có mặt tại địa phương. Hiện nay, Cơ quan an ninh điều tra đang tiếp tục xác minh, nếu có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian gần đây, việc công dân Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, kết hôn với người nước ngoài không thực hiện các thủ tục đăng ký kết hôn, xuất nhập cảnh theo quy định của pháp luật ngày một gia tăng, nhất là ở khu vực biên giới. Do vậy, cần kiến nghị các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương quan tâm sát sao, tổ chức các hoạt động tuyên truyền pháp luật, thắt chặt việc quản lý để không xảy ra tình trạng người dân trốn đi nước ngoài, ở lại nước ngoài trái phép, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[5] Việc xử lý vật chứng: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về xử lý vật chứng là có căn cứ chấp nhận; cần xử tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền do Chậu nộp tại cơ quan công an, một phần hai giá trị tài sản là xe máy bị cáo T đã sử dụng để chở Hùng Quốc H sang Trung Quốc; trả lại cho các bị cáo điện thoại tiền và những giấy tờ tùy thân không liên quan đến hành vi phạm tội, cụ thể:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

- Tiền Việt nam: 1.950.000đ (một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó có các mệnh giá 02 tờ 500.000đ; 01 tờ 200.000đ; 15 tờ 50.000đ, đây là số tiền liên quan đến hành vi phạm tội do Sùng Thị Ch tự nguyện nộp tại cơ quan Công an.

- Tịch thu đối với Dương Văn T $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô Wave RSX màu trắng, BKS:11H1-082.xx đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 11H1- 082.xx mang tên Dương Văn T để hóa giá sung công quỹ nhà nước, đây là chiếc xe của bị cáo T dùng làm phương tiện phạm tội.

Trả lại cho bị cáo Dương Văn T:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu WiKo đã qua sử dụng, số IMEL: 356323092381xxx.

- 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Dương Văn T, sinh năm 1988, trú tại xã L, huyện N, tỉnh Cao Bằng, số 085077xxx.

- 01 giấy phép lái xe mang tên Dương Văn T, số 040164003xxx.

Trả lại cho bị cáo Hùng Quốc H:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Honor, màu xanh đã qua sử dụng, số IMEL: 866371035321xxx.

- Tiền Trung Quốc: 1.257NDT (Một nghìn hai trăm năm mươi bảy nhân dân tệ), trong đó có các mệnh giá 11 tờ 100NDT; 01 tờ 50 NDT; 02 tờ 20NDT; 04 tờ 10 NDT; 04 tờ 05 NDT; 07 tờ 01NDT; Tiền Việt Nam gồm 02 tờ mệnh giá 2000đ.

- 01 hộ chiếu mang tên Xiong Guo H, số EC 64292xx.

- 01 Visa số V0370961 mang tên Xiong Guo H.

- 01 giấy chứng minh nhân dân Trung Quốc số 522327198405300xxx có hiệu lực từ ngày 15/3/2018 đến ngày 15/3/2038.

- 01 giấy chứng minh nhân dân Trung Quốc số 522327198405300xxx có hiệu lực từ ngày 23/3/2010 đến ngày 23/3/2020.

- Thẻ Ngân hàng Trung Quốc gồm 03 thẻ, trong đó có 01 thẻ màu xanh có số thẻ 6222022409003374xxx; 01 thẻ màu xanh có số thẻ 6217790001091357xxx; 01 thẻ màu vàng có số thẻ 6217003170012896xxx.

Trả lại cho bà Sùng Thị Ch (vợ bị cáo Dương Văn T) $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô Wave RSX màu trắng, BKS:11H1-082.xx đã qua sử dụng do chiếc xe là tài sản chung của vợ chồng bị cáo.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí: Các bị cáo Hùng Quốc H, Dương Văn T mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hùng Quốc H (Xiong Gua H), Dương Văn T phạm tội: “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép”.

Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hùng Quốc H; xử phạt Hùng Quốc H (Xiong Gua H) - 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 23/02/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Dương Văn T; xử phạt Dương Văn T -12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 24/7/2019.

Giao bị cáo Dương Văn T cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách, trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

*Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Tiền Việt nam 1.950.000đ (một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó có các mệnh giá 02 tờ 500.000đ; 01 tờ 200.000đ; 15 tờ 50.000đ, do Sùng Thị Ch tự nguyện nộp tại cơ quan Công an.

*Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước đối với Dương Văn T $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô Wave RSX màu trắng, BKS:11H1-082.xx đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS:11H1-082.xx mang tên Dương Văn T.

*Trả lại cho bị cáo Dương Văn T:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu WiKo đã qua sử dụng, số IMEL: 356323092381xxx.

- 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Dương Văn T, sinh năm 1988, trú tại L, huyện N, tỉnh Cao Bằng, số 085077xxx.

- 01 giấy phép lái xe mang tên Dương Văn T, số 040164003xxx.

*Trả lại cho bị cáo Hùng Quốc H:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Honor, màu xanh đã qua sử dụng, số IMEL: 866371035321xxx.

- Tiền Trung Quốc: 1.257NDT (Một nghìn hai trăm năm mươi bảy nhân dân tệ), trong đó có các mệnh giá 11 tờ 100NDT; 01 tờ 50 NDT; 02 tờ 20NDT; 04 tờ 10 NDT; 04 tờ 05 NDT; 07 tờ 01NDT; Tiền Việt Nam gồm 02 tờ mệnh giá 2000đ.

- 01 hộ chiếu mang tên Xiong Guo H, số EC 64292xx.

- 01 Visa số V0370961 mang tên Xiong Guo H.

- 01 giấy chứng minh nhân dân Trung Quốc số 522327198405300xxx có hiệu lực từ ngày 15/3/2018 đến ngày 15/3/2038.

- 01 giấy chứng minh nhân dân Trung Quốc số 522327198405300xxx có hiệu lực từ ngày 23/3/2010 đến ngày 23/3/2020.

- Thẻ Ngân hàng Trung Quốc gồm 03 thẻ, trong đó có 01 thẻ màu xanh có số thẻ 6222022409003374xxx ; 01 thẻ màu xanh có số thẻ 6217790001091357xxx ; 01 thẻ màu vàng có số thẻ 6217003170012896xxx.

* Trả lại cho bà Sùng Thị Ch, trú tại: Xóm L1, xã L, huyện N, tỉnh Cao Bằng:

- ½ giá trị chiếc xe mô tô Wave RSX màu trắng, BKS:11H1-082.xx đã qua sử dụng.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng số: 40 ngày 17/5/2019.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Hùng Quốc H, Dương Văn T mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000,0đ (hai trăm nghìn đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Hùng Quốc H, Dương Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sùng Thị Ch có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ công an tỉnh;
- Sở Tư pháp CB;
- Cục THA dân sự;
- Các bị cáo;
- Phòng KTNV&THA;
- Tổ HCTP;
- Lưu HSVA;
- Lưu tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Biên Hòa

